UNIT 6 AFTER SCHOOL

I. Điền vào mỗi chỗ trống một chữ cái để tạo thành từ đúng.

Ex: h_m_w_ _k homework

1. v_ll_yb_ _l	4. c_l_br_t_ _n	7. c_ll_c_i_n
2. p_st_ _e	5. a_t_v_ty	8. pr_s_d_ _t
3. a_ni_er_ _ry	6. d_ff_r_ _t	9. c_fet_r_a

II. Dùng các từ cho sẵn trong khung để hoàn tất các câu.

plays	go	rehearsing	collecting	tidy	watching	lying

1. You should _____ your room every day.
2. The children like _____ stamps.
3. They are _____ a new play.
4. She _____ the violin in the school orchestra.
5. Nam is _____ on the couch _____ television.
6. We often _____ to the school cafeteria at recess.

III. Viết các lời đề nghị hoặc gợi ý, dùng *Let's ..., Should we ....?*

Ex: go to the movies *Let's go to the movies.*
Should we go to the movies?

1. play soccer _____
2. go swimming _____
3. invite him to the party _____
4. go to the library _____
5. travel by bus _____
6. visit our old teachers _____

IV. Sắp xếp các từ thành câu hoàn chỉnh.

Ex: the/ never/ she/ does/ housework *She never does the housework.*

1. always/ church/ he/ to/ goes/ Sundays/ on.

_____

2. they/ free/ usually/ are/ the/ weekend/ on.

_____

LIVEWORKSHEETS

3. marbles/ boys/ often/ the/ recess/ play/ at / do?

_____

4. library/ I/ in/ study/ school/ after/ the/ sometimes.

_____

5. Phong/ interested/ is/ in/ always/ music.

_____

6. never/ my/ can/ meal/ a/ cook/ good/ sister.

_____

V. Đặt câu hỏi về những hoạt động sau buổi học và viết câu trả lời theo từ gợi ý.

Ex: you/ play badminton

What do you usually do after school? ~ I usually play badminton.

1. Nam/ study in the library

_____

2. Ba and Phong/ play video games

_____

3. your brother/ watch videos

_____

4 they/ go to the stamp collector's club

_____

5. you/ learn to play the piano

_____

6. your children/ go swimming

_____

7. Mai/ skip with her friends

_____

8. your sister/ help my mother with the housework

_____

LIVEWORKSHEETS